

Số: 38/2025/QĐ-PT

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp: Ông Hà Duy Thảo, Kiểm sát viên cao cấp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 23/2024/QĐST-HC ngày 26/12/2024, Tòa án nhân dân tỉnh H1 đã căn cứ vào Điều 143, Điều 144 và Điều 165 Luật Tố tụng hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, giữa:

* **Người khởi kiện:** Ông Phạm Trần D, sinh năm 1962; trú tại: Tổ dân phố T, phường C, thị xã D, tỉnh H1.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Khắc A; sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh H2.

* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh H1.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân phường C, thị xã D, tỉnh H1.

- Ông Phạm Trần D1 (D3), sinh năm 1939. Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Trần D1 (D) là ông Phạm Trần L, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1940; đều trú tại: Tổ dân phố T, phường C, thị xã D, tỉnh H1.

- Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1940; nơi cư trú: TDP T, phường C, thị xã D, tỉnh H1.

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962; nơi cư trú: TDP T, phường C, thị xã D, tỉnh H1.

- Ông Phạm Trần L, sinh năm 1968; nơi cư trú: TDP T, phường C, thị xã D, tỉnh H1.

- Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1969; nơi cư trú: TDP T, phường C, thị xã D, tỉnh H1.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 31/12/2024, người khởi kiện là ông Phạm Trần D kháng cáo toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 23/2024/QĐST-HC ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H1.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện đã hết, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án là đúng quy định, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 23/2024/QĐST-HC ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H1.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng phúc thẩm thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Bản đồ địa chính xã C (nay là phường C) lập năm 1985, tại tờ bản đồ số 03: Thửa đất số 71 diện tích 840m²; thửa đất số 73 diện tích 610m² cả hai thửa đất đều là đất ao, ghi chủ sử dụng là HTX (Hợp tác xã). Thửa đất số 72 diện tích 720m² (trong đó: Đất ở 220m², đất ao 300m², đất hai lúa 200m²) ghi tên D (con ông D2). Thửa đất số 79 diện tích 1.250m² (trong đó: Đất ở 490m², đất ao 450m², đất 2 lúa 300m²) ghi tên D2.

Theo bản đồ hiện trạng xã C (nay là phường C) đo đạc năm 2001, các thửa đất nêu trên được thể hiện tại tờ bản đồ PL08, gồm các thửa đất: Thửa đất số 72 diện tích 801m² loại đất ao (trong đó: 199m² ghi tên Di, 602m² là đất do UBND phường C quản lý). Thửa đất số 73 diện tích 1.977m² (trong đó: đất ở 220m², đất vườn 882m², đất ao 875m²) ghi tên D2. Thửa đất số 74 diện tích 804m² (trong đó: đất ở 200m², đất vườn 322m² ao 282m²) ghi tên L (con ông D2).

Thực hiện Kế hoạch 566/KH-UB ngày 05 tháng 8 năm 2003 của UBND tỉnh H, Hội đồng đăng ký đất đai xã C (nay là phường C) đã xây dựng phương án xử lý hợp pháp hóa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn, được UBND huyện D (nay là thị xã D) phê duyệt tại Quyết định số 382/2006/QĐ-UBND ngày 13/12/2006, trong đó: Hộ ông Phạm Trần D2 sử dụng đất tại các thửa đất 72, 73 tờ bản đồ PL08 và đã được xây dựng phương án xử lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Thửa đất số 73 diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.977m² (trong đó: đất ở 1.250m², đất vườn 245m², đất ao 482m²), thửa đất số 72 diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 199m² đất ao. Hộ ông Phạm Trần L (con

ông D2) sử dụng đất tại thửa đất số 74, tờ bản đồ PL08, diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 804m² (trong đó: đất ở 200m², đất vườn 322m², ao 282m²).

Quá trình thực hiện Kế hoạch 566/KH-UB ngày 05 tháng 8 năm 2003 của UBND tỉnh H, UBND xã C đã ban hành một số văn bản như: Quyết định số 42/2004/QĐ-UB ngày 28/5/2004 về việc kiện toàn Hội đồng đăng ký đất đai. Biên bản họp của Hội đồng đăng ký đất đai lần 1 ngày 25/6/2005 và Biên bản họp của Hội đồng đăng ký đất đai lần 2 ngày 28/7/2005. Thông báo về việc công khai phương án xử lý hợp pháp hoá cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2005. Biên bản kết thúc công khai phương án xử lý hợp pháp hoá quyền sử dụng đất ngày 22/7/2005 tại thôn T, xã C. Biên bản họp dân về việc thông báo kết quả phương án xử lý hợp pháp hoá cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hướng dẫn các hộ sử dụng đất làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 29/8/2005. Tờ trình về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện và phê quyết phương án xử lý hợp pháp hoá cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình và cá nhân, các văn bản trên đều được UBND xã C thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thông báo, lập biên bản kết thúc, công khai đúng theo quy định của Luật đất đai, bản thân ông D cũng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng đợt và không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Tại Biên bản làm việc ngày 09/9/2024, UBND phường C phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã D tổ chức để kiểm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 72, 73 tờ bản đồ PL 08 qua kiểm tra không có văn bản, giấy tờ gì về việc giao đất giãn dân tại thôn T, xã C năm 1981 mà chỉ lưu Công văn số 09/CV-Đ ngày 20/01/1991 của Chi cục quản lý đất đai tỉnh H về việc xử lý hành chính các hành vi vi phạm pháp luật đất đai tại xã C, huyện D. Theo đó hộ ông Phạm Trần D có tên trong danh sách các hộ sử dụng đất sai chính sách đã được xử lý hợp pháp hóa đất ở tại thửa đất số 234, tờ bản đồ số 03 vị trí hộ ông D đang sử dụng và được hợp pháp hoá cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 382/2006/QĐ-UBND ngày 13/12/2006 của UBND huyện D. Như vậy, thực hiện Kế hoạch 566 của UBND tỉnh H, hộ ông D cũng được xây dựng phương án hợp pháp hoá việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng với hộ ông D2, ông L, bản thân ông D đã biết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có ý kiến gì.

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 28/11/2024, ông D khai cuối năm 2021, khi bố mẹ ông có ý định tách đất cho các con thì ông mới biết ông có tên trên bản đồ và biết ông D2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên mới đòi. Mặc dù không gặp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nào để thực hiện quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật nhưng đến ngày 24/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh H1 mới nhận được đơn khởi kiện của ông Phạm Trần D với yêu cầu hủy các Quyết định nêu trên là đã quá thời hạn 01 năm. Do đó, Tòa án

nhân dân tỉnh H1 căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 143, Điều 144 và Điều 165 Luật Tổ tụng hành chính đình chỉ giải quyết vụ án với lý do đã hết thời hiệu khởi kiện là đúng quy định pháp luật. Từ đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Trần D; giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án nhân dân tỉnh H1.

Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, tuy nhiên ông Phạm Trần D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông D được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 243 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Trần D; giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 23/2024/QĐST-HC ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh H1.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Trần D được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh H1;
- TAND tỉnh H1;
- Cục THADS tỉnh H1;
- Các đương sự (theo địa chỉ)
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Vũ Thị Thu Hà